

CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2025/TT-BGDĐT NGÀY 15/9/2025
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO -

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN ĐIỀN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên trường: Trường Trung học cơ sở An Điền

2. Địa chỉ: khu phố Kiến An, phường Long Nguyên, TP Hồ Chí Minh

Số điện thoại:

Website: <https://https://thcsandien.longnguyen.edu.vn/>

Email: thcsandien@bc.sgdbinhduong.edu.vn

3. Loại hình; Chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Long Nguyên

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại đơn vị phường Long Nguyên.

4. Mục tiêu giáo dục:

Xây dựng và duy trì trường THCS An Điền trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10 THPT; Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc học nghề.

Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường là “Đoàn kết- Hợp Tác- Trách nhiệm--Sáng Tạo-Khát vọng vươn lên”

5. Quá trình thành lập và phát triển:

*** Quá trình thành lập:**

Trường trung học cơ sở An Điền được thành lập và đi vào hoạt động từ năm học 2019 - 2020 theo quyết định số 479/ QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát), nguồn học sinh ban đầu vốn là học sinh khối THCS của trường THCS Lê Quý Đôn và THCS Mỹ Thạnh được tách ra để thành lập trường THCS hệ công lập mới.

Hiện nay trường được xây dựng khang trang hoàn thành cả 2 giai đoạn với diện tích 10.819 m², gồm có 25 phòng học, khối phục vụ học tập, khối hành chính quản trị và 08 phòng chức năng... có 01 nhà để xe giáo viên, 01 nhà để xe học sinh; có công trình vệ sinh giáo viên và học sinh riêng biệt đảm bảo theo yêu cầu; trường có sử dụng hệ thống nước sạch.

Năm học qua, với sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) nhà trường đã từng bước ổn định và ngày càng đi vào nề nếp, thực hiện kỷ cương, hiệu quả giảng dạy và giáo dục ngày một nâng lên, kết quả về phát triển giáo dục của nhà trường có sự chuyển biến ngày càng rõ nét.

Năm học 2024 – 2025: Trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến

+ **Đội ngũ giáo viên:** Giáo viên tuy đủ về số lượng nhưng năng lực chuyên môn, khả năng sư phạm chưa đồng đều, vẫn còn một số giáo viên có năng lực giảng dạy chưa ổn định, ý thức phấn đấu trong nghề nghiệp chưa cao. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 45/51 đạt tỉ lệ 88.2%, trên chuẩn: 1/51 (1,96%). Có một số giáo viên nhà xa, con nhỏ, nên phần nào ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác.

+ **Học sinh:** một số học sinh thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình hoặc chưa được quan tâm giáo dục đúng đắn, dẫn đến ý thức học tập và rèn luyện của các em chưa tốt lắm.

***Quá trình phát triển:**

Để nâng cao chất lượng giáo dục, ngay từ năm học nhà trường xây dựng kế hoạch tập trung cho việc nâng cao chất lượng đại trà, bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh Chưa đạt khi kết thúc học kỳ 1. Chính vì thế chất lượng giáo dục của nhà trường có sự chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tích cực. Số học sinh khá, tốt hàng năm đều tăng, có học sinh giỏi cấp Thành phố, cấp Tỉnh nhưng thiếu tính ổn định, các phong trào thi đua hàng năm đều đạt được những thứ hạng cao trong thành phố. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng học sinh của thầy, cô kết hợp với nội dung cuộc vận động “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên, với mục tiêu “**Đổi mới sáng tạo trong dạy học**”. Cùng với việc thực hiện “*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*” gắn các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho viên chức nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: *Tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn, các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn*... Bên cạnh đó công việc của từng thành viên trong nhà trường đều được quy chế hóa

bằng văn bản nhằm công khai để người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Hiệp - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: khu phố kiến An, phường Long Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 0933848579.

Email: hiepnv.thcsad@bencat.sgdbinhduong.

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 22/03/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát.

Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường Long Nguyên.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường.

Hội đồng trường được Ủy ban nhân dân thành phố Bến Cát ra quyết định thành lập theo quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm về việc thành lập Hội đồng trường Trường THCS An Điền. Gồm có 13 người.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ trong hội đồng
1	Ông Nguyễn Văn Hiệp	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2	Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn cơ sở	Thành viên
3	Ông Nguyễn Tấn Phúc	Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên
4	Ông Đặng Minh Trung	Tổ trưởng Tổ Toán – Tin học	Thành viên
5	Bà Hồ Thị Thành	Tổ trưởng Tổ Văn - Nghệ thuật	Thành viên
6	Bà Bùi Thị Tuyết Nga	Tổ trưởng Tổ tiếng Anh	Thành viên
7	Bà Lê Thị Ngọc Tuyết	Tổ trưởng Tổ Sử & Địa – Giáo dục	Thành viên

		công dân	
8	Bà Nguyễn Phương Thu	Tổ trưởng Tổ Khoa học tự nhiên – Công nghệ	Thành viên
9	Bà Dương Thị Quế An	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thư ký
10	Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó chủ tịch UBND phường An Điền	Thành viên
11	Ông Nguyễn Minh Châu	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
12	Em Hồ Nguyễn Thanh Lam	Liên đội trưởng	Thành viên
13	Em Phạm Ngọc Phương Liên	Liên đội phó	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 200/QĐ-UBND, ngày 03/06/2024 về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo quản lý đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo, bổ nhiệm lại ông Nguyễn Văn Hiệp giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS An Điền kể từ ngày 10/06/2024.

Quyết định số: 173/QĐ-UBND, ngày 10/07/2025 về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ ông Nguyễn Văn Hiệp giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS An Điền phường Long Nguyên thời hạn bổ nhiệm 05 năm kể từ ngày 10/06/2024.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 174/QĐ-UBND, ngày 10/07/2025 về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hoàng Yến giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS An Điền, hạn bổ nhiệm là 05 (năm) năm, kể từ ngày 17/08/2021.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

* Cơ chế hoạt động của trường THCS An Điền

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THCS trọng điểm của địa bàn phường Long Nguyên.

Trường THCS An Điền là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường Long Nguyên.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, NV và HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.
- +01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- +01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.

*** Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	ĐIỆN THOẠI	EMAIL
1	Nguyễn Văn Hiệp	Hiệu trưởng	0933848579	hiepnv.thcsad@bc.sgdbinhduong
2	Nguyễn Thị Hoàng Yến	P.Hiệu trưởng	0777959179	yennth.thcsad@bc.sgdbinhduong

Địa chỉ nơi làm việc: khu phố Kiến An, phường Long Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Quy chế tổ chức và hoạt động: Quyết định số 174 /QĐ-THCSAD ngày 29/8/2025 của Trường THCS An Điền.
- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 175/KH-THCSAD, ngày 29/8/2025 của Trường THCS An Điền.
- Kế hoạch hội đồng trường: Kế hoạch số 176/KH-THCSAD, ngày 29/8/2025 của Trường THCS An Điền.
- Kế hoạch giáo dục nhà trường: Kế hoạch số 177/KH-THCSAD, ngày 29/8/2025 của Trường THCS An Điền.
- Quy chế thực hiện dân chủ: Quyết định số 178 /QĐ-THCSAD ngày 29/8/2025 của Trường THCS An Điền.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đã được trẻ hoá, đảm bảo về trình độ chuyên môn để cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên THCS An Điền

Đầu năm năm học 2025- 2026 cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	I	II	III	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số CB, GV, NV	54	0	01	43	2	2	4		23	22				
I	Giáo viên	46	0	01	45	2	2	4		20	21	11	35		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	5	0	0	5	0	0			2	3				
2	Lý	03	0	0	2	1	0			1	2				
3	Hóa	4	0	1	3	0	0			2	1				
4	Sinh	3	0	0	3	0	0			2	1				
5	Tin	2	0	0	2	0	0			1	1				
6	KTCN	0													
7	KTNN	0													
8	Văn	9		0	8	1	0			2	7				
9	Sử	4			4					2					
10	Địa	2			2					1	1				
11	GDCD	1			1					1					
12	Anh	5			5					2	3				
13	Thể dục	4			4					2	2				
14	Âm nhạc	1			1					1					
15	Mĩ thuật	1			1					1					
II	Cán bộ	2		0						2					

[illegible]

13	Phòng sinh	0												
14	Phục vụ	2						2						
15	Bảo vệ	3						3						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ; các phương tiện làm việc ở các phòng học bộ môn, thư viện và các phòng chức năng được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường lên kế hoạch sửa chữa bổ sung, nâng cấp kịp thời nếu xảy ra hư hỏng. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu vực học tập của học sinh và làm việc của giáo viên.

Trường có tường rào, biển trường, cổng trường (cổng 1, cổng 2). Khuôn viên nhà trường rộng, đẹp, nhiều cây xanh thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh vui chơi.

Thông tin CSVC của THCS An Điền- Năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	25	Số m2/học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	25	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m2)	10.819	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	2.856,56	
VI	Tổng diện tích các phòng	6.611,7	
1	Diện tích phòng học (m2)	66.20	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	100	
3	Diện tích thư viện (m2) Phòng đọc HS + kho sách + phòng đọc GV	150,80 + 50,76 + 73,80	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m2)	530	
5	Diện tích phòng Hoạt động Đoàn, Đội, phòng truyền	32.4	

	thống(m2)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	Chưa có	Chưa có
1.1	Khối lớp 6		
1.2	Khối lớp 7		
1.3	Khối lớp 8		
1.4	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	96	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Amly loa thùng – Micro...	2	
6	Máy chiếu đa năng	1	
7	Máy tính văn phòng	8	
8	Máy in Văn phòng	5	
9	Máy tính Server	1	
10	Bộ điều khiển GV	1	
11	Đàn Oorgan	2	
12	Đàn Ghita	2	
13	Các thiết bị phòng Sinh	182	
14	Các thiết bị phòng Lý	270	
15	Các thiết bị phòng Hóa	134	
X	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	

5	Amly loa thùng – Micro...	2	
6	Máy chiếu đa năng	1	
7	Máy tính văn phòng	8	
8	Máy in Văn phòng	5	
9	Máy tính Server	1	
10	Bộ điều khiển GV(PNN1)	1	
11	Đàn Oorgan	2	
12	Đàn Ghita	2	
13	Các thiết bị phòng Sinh	182	
14	Các thiết bị phòng Lý	270	
15	Các thiết bị phòng Hóa	134	
	Nội dung	Số lượng (m2)	
X	Nhà bếp		
XI	Nhà ăn		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		9/9		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo TT 18 của Bộ GD&ĐT qua 5 năm học từ 2019 đến 2024.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: trường được Sở GD&ĐT Bình Dương thành lập đoàn đánh giá ngoài chính thức kiểm tra đánh giá đạt KĐCL GD cấp độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1.

Quyết định số 2025/QĐ-SGD&ĐT Quyết định về việc công nhận trường THCS An Điền thành phố Bến Cát đạt kiểm định chất lượng giáo dục ngày 27/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương.

Quyết định số 22/QĐ-UBND Quyết định về việc công nhận trường THCS An Điền thành phố Bến Cát đạt chuẩn quốc gia ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh Bình Dương.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”. Trường THCS An Điền đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD-ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều tăng về số lượng và chất lượng.

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số học sinh tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 507 học sinh.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT- BGD&ĐT ngày 12/12/2011)	1516	430	486	362	238
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	362 23,87%	126 29,30%	111 22,84%	87 24,03%	38 15,97%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	536 0,35%	148 34,42%	176 36,21%	142 39,23%	70 29,41%

3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	610 40,23%	155 36,05%	192 39,51%	133 36,74%	130 54,62%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	8 0,52%	1 0,23%	7 1,44%	0	0
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1516	430	486	362	238
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1439 94,92%	420 97,67%	453 93,21%	345 95,30%	221 92,86%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	75 4,94%	10 2,33%	32 6,58%	17 4,70%	16 6,72%
3	Đạt	2 0,13%	0	01 0,21%	0	01 0,42%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1516	430	486	362	238
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1508 99,47%	429 99,77%	479 98,55%	362 100%	238 100%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	362 23,87%	126 29,30%	111 22,84%	87 24,03%	38 15,97%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	536 35,35%	148 34,42%	176 36,21%	142 39,23%	70 29,41%
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	8 0,52%	1 0,23%	7 1,44%	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,41%	0	2 0,41%	0	0
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	51 3,36%	14 0,92%	22 1,45%	13 0,85%	2 0,41%
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	42 2,77%	01 0,06%	18 1,18%	13 0,85%	10 0,65%
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp thành phố	4	0	01	01	02
2	Cấp tỉnh	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	238				238
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	38 15,97%				38 15,97%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	70 29,41%				70 29,41%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	130 54,62%				130 54,62%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1516/ 642	430/ 197	486/ 223	362/ 110	238/ 112
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	65 4,28%	23 1,51%	24 1,58%	7 0,46%	11 0,72%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật

1.1. Các khoản thu, phân theo:

- Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024:

+ Dự toán năm trước chuyển sang:	6.272.526 đồng
+ Dự toán giao đầu năm 2024:	9.279.118.607 đồng
+ Dự toán cấp bổ sung cuối năm 2024:	12.435.823.077 đồng
+ Dự toán được sử dụng trong năm 2024:	12.442.095.603 đồng
- Học phí công lập năm 2024:	
+ Số tồn kỳ trước chuyển sang:	507.453 đồng
+ Số thu học phí công lập năm 2024:	507.360.000 đồng
+ Số tiền được sử dụng trong năm 2024:	507.867.453 đồng

1.2. Các khoản chi, phân theo:

a. Ngân sách khoán chi thực hiện tự chủ năm 2024:

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Tiền lương	6001	4.393.207.418	4.393.207.418
2	Tiền công trả cho vị trí lao động	6051	759.024.000	759.024.000
3	Phụ cấp chức vụ	6101	74.628.000	74.628.000
4	Phụ cấp ưu đãi nghề	6112	1.108.945.404	1.108.945.404
5	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6113	23.328.000	23.328.000
6	Phụ cấp thâm niên nghề	6115	713.398.591	713.398.591
7	Chi khác	6299	5.572.800	5.572.800
8	Bảo hiểm xã hội	6301	1.004.549.366	1.004.549.366
9	Bảo hiểm y tế	6302	175.535.847	175.535.847
10	Kinh phí công đoàn	6303	116.398.845	116.398.845
11	Bảo hiểm thất nghiệp	6304	57.615.953	57.615.953
12	Thu nhập tăng thêm	6404	543.019.110	543.019.110
13	Chi khác	6449	44.100.000	44.100.000
14	Tiền điện	6501	100.357.078	100.357.078

15	Tiền nước	6502	137.310	137.310
16	Văn phòng phẩm	6551	38.876.200	38.876.200
17	Vật tư văn phòng khác	6599	121.678.720	121.678.720
18	Cước phí điện thoại	6601	443.239	443.239
19	Cước phí internet	6605	13.420.000	13.420.000
20	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	6608	3.020.000	3.020.000
21	Khoản điện thoại	6618	3.600.000	3.600.000
22	Tiền vé máy bay, tàu xe	6701	37.030.878	37.030.878
23	Phụ cấp công tác phí	6702	24.940.000	24.940.000
24	Tiền thuê phòng ngủ	6703	2.700.000	2.700.000
25	Khoản công tác phí	6704	9.000.000	9.000.000
26	Chi phí thuê mướn khác	6799	46.800.000	46.800.000
27	Các thiết bị công nghệ thông tin	6912	40.060.002	40.060.002
28	Đường điện, cấp thoát nước	6921	9.900.000	9.900.000
29	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	6949	66.239.500	66.239.500
30	Chi mua hàng hóa, vật tư	7001	20.610.000	20.610.000
31	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	7012	9.474.100	9.474.100
32	Chi khác	7049	407.234.694	407.234.694
33	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	7053	21.015.000	21.015.000
34	Chi các khoản phí và lệ phí	7756	7.229.678	7.229.678
35	Chi các khoản khác	7799	6.480.000	6.480.000
	Tổng cộng		10.009.569.733	

b. Ngân sách khoán chi thực hiện không tự chủ năm 2024:

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6051	185.756.000	185.756.000
2	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	6105	1.422.325.132	1.422.325.132

3	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	6157	21.750.000	21.750.000
4	Bảo hiểm xã hội	6301	32.507.300	32.507.300
5	Bảo hiểm y tế	6302	5.572.680	5.572.680
6	Kinh phí công đoàn	6303	3.715.120	3.715.120
7	Bảo hiểm thất nghiệp	6304	1.857.560	1.857.560
8	Chi khác	6449	283.340.360	283.340.360
9	Thuê đò đưa lại cán bộ	6758	3.150.000	3.150.000
10	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	7004	1.800.000	1.800.000
11	Chi các khoản khác	7799	124.000.000	124.000.000
	Thưởng thường xuyên	6201	258.059.880	258.059.880
	Tổng cộng		2.343.834.032	2.343.834.032

Các khoản thu và mức thu đối với người học

(bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo)

2.1. Khoản thu theo quy định:

TT	Nội dung thu	Dự kiến	Dự kiến	Dự kiến
		2025-2026	2026-2027	2027-2028
1	Học phí công lập	Không thu		
2	Bảo hiểm y tế	631.800đ/năm	Theo CV của BHXH	Theo CV của BHXH

Khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

TT	Nội dung thu	Thực hiện	Dự kiến	Dự kiến
		2025-2026	2026-2027	2027-2028
1	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu học sinh (bao gồm khám nha học đường)	40.000	Theo dự toán và CV hướng dẫn của cấp thẩm quyền	Theo dự toán và CV hướng dẫn của cấp thẩm quyền
2	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	70.000	Theo dự toán và CV hướng dẫn của cấp thẩm	Theo dự toán và CV hướng dẫn của cấp thẩm

			quyền	quyền
3	Dạy kỹ năng sống	Thu sau khi có kế hoạch chi tiết dạy được cấp thẩm quyền duyệt và bảng chào phí của nhà cung cấp	Thu sau khi có kế hoạch chi tiết dạy được cấp thẩm quyền duyệt và bảng chào phí của nhà cung cấp	Thu sau khi có kế hoạch chi tiết dạy được cấp thẩm quyền duyệt và bảng chào phí của nhà cung cấp
4	Dạy Stem	Thu sau khi có kế hoạch chi tiết dạy được cấp thẩm quyền duyệt và bảng chào phí của nhà cung cấp	Thu sau khi có kế hoạch chi tiết dạy được cấp thẩm quyền duyệt và bảng chào phí của nhà cung cấp	Thu sau khi có kế hoạch chi tiết dạy được cấp thẩm quyền duyệt và bảng chào phí của nhà cung cấp
5	Tiền tổ chức dạy bơi	Thu theo khóa học, bao gồm luôn cả tiền xe	Thu theo khóa học, bao gồm luôn cả tiền xe	Thu theo khóa học, bao gồm luôn cả tiền xe

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về miễn, giảm học phí với người học.

3.1. Mức miễn giảm học phí tháng từ tháng 09/2024 đến tháng 05/2025, nhà trường thực hiện như sau:

Miễn, giảm học phí: theo bảng tổng hợp đề nghị miễn, giảm học phí từ tháng 09/2024 đến tháng 05/2025.

+ Miễn 100%: 23 học sinh, Số tiền: 9.660.000 đồng.

+ Giảm 50%: 4 học sinh, Số tiền: 1.080.000 đồng.

Tổng số tiền: 10.740.000 đồng.

4. Số dư các quỹ theo quy định (đến thời điểm tháng 6/2025)

- Dạy kỹ năng sống : 4.260.000 đồng.

- Dạy Stem: 944.000 đồng.

5. Các nội dung công khai tài chính khác:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

An Điền, ngày 15 tháng 9 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Văn Hiệp